

Chú Giải Luật Thiện Kiến

Hán dịch: **Tăng-già-bạt-đà-la** - Việt dịch: **Tỳ kheo Tâm-Hạnh**

**Quyển thứ nhất
(tiếp theo)**

Phẩm Bạt-Xà-Tử: Kết tập Pháp tạng.

-ooOoo-

Bấy giờ, theo thời gian ngày đêm, thánh chúng tuần tự ra đi. Sau khi Thế Tôn Niết-bàn 100 năm (Vassasataparinibbute Bhagavati), trong nhóm Tỳ-kheo Bạt-Xà-Tử ở thành Tỳ-Xá-Ly (Vesālīkā Vajjiputtakābhikkhū) phát sinh mười điều phi pháp ở Tỳ-Xá-Ly. Mười điều ấy là:

1. Một, diêm tịnh - muối tịnh. (kappati singilonakappo)
2. Hai, nhị chỉ tịnh - hai ngón tay (kappati dvangulakappo)
3. Ba, tụ lạc gian tịnh - giữa hai làng xóm tịnh (kappati gāmantarakappo)
4. Bốn, trú xứ tịnh (kappati àvāsakappo)
5. Năm, tùy ý tịnh (kappati anumatikappo)
6. Sáu, cửu trú tịnh (kappati àcinnakappo)
7. Bảy, sinh hòa hợp tịnh (kappati amathitakappo)
8. Tám, thù tịnh (kappati jalogī pātum)
9. Chín, bất ích lữ ni-sư đàn tịnh - tọa cụ không biên tịnh (kappati adasakam nisidānam)
10. Mười, kim ngân tịnh (kappati jātarūparajatam).

Mười điều phi pháp này xuất hiện tại Tỳ-Xá-Ly. Có người con của Tu-Na-Ca thuộc giòng Bạt-Xà-Tử tên là A-Tu (Tesam Susunāgaputto Kālāsoko nāma rājā pakkho ahoṣi) làm vua và ủng hộ phe Bạt-Xà-Tử. Khi ấy, trưởng lão Da-Tu-Câu-Ca (Yasa Kākandakaputta) là con của Ca-Càn-Đà, đang đi dân vào vùng Bạt-Xà, nghe xuất hiện mười điều phi pháp tại thành Tỳ-Xá-Ly do nhóm Tỳ-kheo Bạt-Xà-Tử. Vì nghĩ rằng ta không nên ở mãi đây mà để cho pháp đức Thập-lực bị phá hoại, hãy tìm phương tiện diệt ác pháp ấy nên trưởng lão đi đến Tỳ-Xá-Ly. Khi ấy, trưởng lão Da-Tu-Câu Ca-Kiên-Đà-Tử trú ở giảng đường Curu-tá-già-la thuộc rừng Đại-Lâm.

Trong lúc thuyết giới, các Tỳ-kheo Bạt-Xà-Tử đem bát đựng đầy nước đặt giữa Tỳ-kheo tăng. Khi các Ưu-bà-tắc (upāsaka) ở Tỳ-Xá-Ly đến, những Tỳ-kheo ấy bảo họ tùy ý cúng dường tiền cho chúng tăng, nửa tiền (māsaka), hay một tiền để tăng sắm y phục... tất cả nhu cầu được nói ra. Sự việc kết tập Tỳ-ny tạng này với đúng số 700 Tỳ-kheo nên gọi là Bảy trăm Tỳ-kheo kết tập Tỳ-ny tạng. Có hai vạn Tỳ-kheo tập hợp trong hội này. Trưởng lão Tỳ-kheo Da-Tư-Na đứng ra vận động tổ chức việc này. Giữa chúng Tỳ-kheo Bạt-Xà-Tử, trưởng lão Ly-Bà-Đa (Revata) hỏi và Tát-Bà-Ca (Sabbakāmin) đáp, cùng nhau đem luật tạng ra để quyết đoán mười việc phi pháp và dập tắt sự tranh chấp.

Sau đó, Tát-Bà-Ca thưa: - Đại đức, giờ đây chúng ta nên kết tập pháp và luật.

Họ chọn lựa những vị Tỳ-kheo thông suốt ba tạng cho đến những vị chúng ba đạt trí. Sau khi chọn xong, tại vườn Bà-Ly-Ca (Vātukārāma) ở Tỳ-Xá-Ly, khi đại chúng đã tập họp, tiến hành theo đúng như lúc Ca-Diếp kết tập pháp tạng lần đầu. Tất cả sự câu bản trong Phật pháp đều bị loại trừ, y cứ vào tạng đề hỏi, y cứ A-hàm đề hỏi, y cứ chi tiết đề hỏi, y cứ các pháp-tụ đề hỏi (Pitakavasena, Nikāyavasena, Angavasena Dhammakhandhavasena); tất cả pháp-tạng và Tỳ-ny tạng đều được kết tập hết. Như vậy, vào tháng tám, đại chúng này đã kết tập xong.

Có kệ khen ngợi:

*Bảy trăm vị trong đời,
Gọi Bảy-trăm kết tập,
Như đã nói ở trước,
Các vị nên biết vậy.*

Khi ấy, Tát-Bà-Ca-My (Sabbakāmin), Tô-Mị (Sālha), Ly-Bà-Đa, Quật-Xà-Tu-Tỳ-Đa, Da-Tu (Revata, Khujjasobhita, Yasa), Bà-Na-Tham-Phục-Đa (Sānasambhūta) đều là đệ tử của đại đức A-Nan-Đà. Hai vị Tu-Ma-Nậu-Bà (Sumana), Ta-Già-Mi (Vāsabhaḡamin) đều là đệ tử của A-Nậu-Luru-Đà (Anurudha), đã từng gặp đức Phật; nói kệ:

*Đại chúng họp lần hai,
Nói lại hết đại pháp,
Pháp được kết tập lại,
Làm xong việc cần làm,
Các Tỳ-kheo lâu tận,
Gọi kết tập lần hai.*

Phẩm A-Dục Vương: Kết tập Pháp-tạng.

Các vị đại đức suy nghĩ rằng: Vào đời đương lai, trong pháp của Đại-sư chúng ta có như bản như vậy xảy ra nữa hay không và các vị ấy thấy trong đời tương lai sẽ có phi pháp như bản nổi lên.

Sau thời điểm này chừng 100 năm, vào năm thứ 18, có vua A-Dục (Àsoka) nước Ba-Tá-Ly-Phát (Pātaliputta) ra đời. Vua chinh phục tất cả đất đai cõi Diêm-phù-ly (sakala-jambudīpa), rất tin tưởng Phật-pháp (Buddhasāsana) nên cúng dường vô số. Bây giờ, thấy vua A-Dục tin tưởng Phật-pháp như vậy, các ngoại đạo, Phạm chí (tīthiya) tham lam sự cúng dường nên chen vào Phật pháp làm sa-môn nhưng vẫn phụng sự ngoại đạo như cũ, dùng pháp ngoại đạo giáo hóa mọi người. Nhờ bản lớn này trong Phật pháp, do tham dục nhờn bản tạo thành. Khi ấy, các đại đức suy nghĩ rằng trong đời tương lai chúng ta gặp như bản ấy không. Sau khi quán sát, biết không sống đến lúc ấy nên họ suy nghĩ: -Ai sẽ truyền bá được Phật-pháp trong tương lai?

Quán sát khắp trong Dục-giới, không tìm được người nào, lại quán sát thế giới Phạm-thiên (Brahmaloka), các đại đức thấy có một vị trời ngắn tuổi thọ đã từng thiên quán pháp-tướng. Các đại đức nghĩ rằng chúng ta nên đến thỉnh vị trời này giảng hạ vào thế gian, thọ thai vào nhà Bà-la-môn Mục-Kiên-Liên, sau đó chúng ta sẽ giáo hóa làm cho người ấy xuất gia; sau khi xuất gia, vị ấy sẽ thông đạt tất cả Phật-pháp, chúng ba đạt trí, phá tan ngoại đạo, phán quyết các pháp tranh cãi, chinh đốn và hộ trì Phật-pháp.

Sau khi suy nghĩ như vậy, các vị đại đức này đến gặp vị Phạm-thiên. Phạm-thiên này tên là Đê-Tu (Tissa). Đến gặp Đê-Tu, các vị đại đức nói rằng đến 100 năm sau vào năm

thứ 18 có cấu bản lớn phát sinh trong giáo pháp của Như Lai. Chúng tôi xem xét khắp thế gian trong Dục-giới không thấy có một người nào hộ trì Phật-pháp được; xem đến Phạm-thiên thấy chỉ có ông. Lành thay, người thiện, nếu ông xuống thế gian thì pháp của đức Thập-lực (Dasabalassa sāsana) sẽ được ông hộ trì.

Phạm-thiên Đê-Tu nghe các đại đức nói rằng mình sẽ trừ diệt được cấu bản phát sinh trong Phật-pháp nên rất vui mừng nói: - Lành thay! Xin vâng.

Đã được Phạm thiên ấy cam kết đồng ý xong, các đại đức rời khỏi cõi Phạm thiên.

Khi ấy, có đại đức Hòa-Ca-Bà (Siggava), Chiên-Đà-Bạt-Xà (Candavajji). Hai vị này bậc trí ba tạng, thông ba đạt-trí (Tīpitakadhara pattapatisambhida khināsava), chứng ái-tận A-la-hán trong chúng thiếu niên. Nhưng hai vị này không tham dự ngăn tránh-sự (kết-tập lần hai). Các vị đại đức nói với hai trưởng lão: Hai vị không tham dự việc ngăn được tránh-sự đúng lúc nên chúng tăng y vào việc này trị phạt hai vị. Tương lai, có vị Phạm-thiên tên Đê-Tu sẽ sinh vào nhà Bà-la-môn Mục-Kiền-Liên. Hai vị hãy chia nhau, một người đến đó tiếp nhận và độ cho xuất gia; một người dạy học Phật-pháp.

Sau đó, các vị đại đức A-la-hán tùy theo tuổi thọ dài ngắn mà tuần tự vào Niết-bản.

Có bài kệ:

*Chúng thứ hai Bảy-trăm,
Hòa hợp diệt phi pháp,
Vi tương lai giáo pháp,
Đã làm cho trường tồn,
Bậc ái-tận tự tại,
Chúng đắc ba đạt trí,
Có năng lực thần thông,
Vẫn không thoát vô thường,
Tôi xin kể danh hiệu,
Đê truyền đến sau này,
Vậy đời sống vô thường,
Biết rõ khó sống còn,
Nếu muốn được bất tử,
Nên chuyển cần tinh tấn.*

Nói về chúng tăng thứ hai này, Ma-ha Phạm-thiên Đê-Tu (Tissa Mahābrahman) từ Phạm thiên giới giáng hạ sinh vào nhà Bà-la-môn Mục-Kiền-Liên (Moggalibrahmana). Khi ấy, thấy Đê-Tu đã thác thai vào nhà Bà-la-môn Mục-Kiền-Liên, hằng ngày Hòa-Ca-Bà đến nhà ấy khát thực cho đến bảy năm. Vì sao? Vì tạo điều kiện để hóa độ. Suốt cả bảy năm, tại nhà này, tôn giả không khát thực được thức ăn, xin nước cũng không được. Qua bảy năm, tôn giả vẫn đến khát thực, được người trong nhà nói: Đã ăn xong rồi, xin đại đức hãy đi sang nhà khác.

Hòa-Gia-Bà suy nghĩ: Đã được họ nói đến, vậy nên trở về.

Trên đường từ chỗ khác trở về nhà, gặp Hòa-Bà-Ca, Bà-la-môn kia nói: - Ôi cha! Nay người xuất gia, có phải vừa ra khỏi nhà tôi, có được gì không?

Đáp: - Được.

Về đến nhà, Bà-la-môn này hỏi gia nhân: - Có cho Tỳ-kheo khát thực món gì không?

Đáp: - Không cho gì cả.

Nói: - Tỳ-kheo nói dối, nếu ngày mai ông ấy đến đây, ta sẽ hỏi cho rõ.

Sáng hôm sau, Bà-la-môn ngồi chờ trước cửa. Khi đại đức Hòa-Ca-Bà đến, Bà-la-môn hỏi: - Này đại đức! Hôm qua ông nói có nhận được nhưng chắc chắn không có gì; vì sao nói dối, pháp Tỳ-kheo có được nói dối không?

Đại đức Hòa-Ca-Bà đáp: - Tôi đến nhà ông đã bảy năm nhưng không được gì cả, hôm qua được nghe gia nhân nói bảo tôi đi sang nhà khác; thế nên nói có được.

Bà-la-môn trầm nghĩ: - Tỳ-kheo này chỉ được lời nói mà nói có được. Lành thay! Chính là người biết đủ. Nếu được ăn uống, tất người ấy rất hoan hỷ.

Bà-la-môn liền vào trong, lấy phần thức ăn của mình dâng cúng cho Hòa-Ca-Bà và thưa rằng từ nay về sau, xin ngài đến đây nhận thức ăn.

Do đó, hằng ngày Hòa-Ca-Bà đến nhận thức ăn. Thấy Hòa-Ca-Bà đầy đủ uy nghi nên Bà-la-môn sinh tâm ý hoan hỷ. Khi đã có tâm hoan hỷ, ông ta lại thỉnh: - Đại đức! Từ nay về sau đừng đến khát thực nhà khác nữa, mà đến thọ thực ở đây luôn.

Hòa-Ca-Bà im lặng nhận lời.

Hằng ngày, sau khi thọ thực, tôn giả giảng dạy Phật pháp rồi ra về. Bấy giờ, con trai người Bà-la-môn vừa được 16 tuổi, đã học xong ba sách Vi-đà theo pháp Bà-la-môn (Tinnam vedānam pāragu ahoṣi). Thiếu niên Bà-la-môn này vừa từ Phạm-thiên giảng hạ nên còn ưa thích sự tịnh khiết, chọn trước ghế dài riêng cho mình không cho người khác dùng chung. Khi sắp đến gặp thầy học, chọn ghế dài riêng cho mình, lau chùi sạch sẽ, treo lên giữa nhà rồi mới ra đi. Sau đó, đại đức Hòa-Ca-Bà đến nhà, suy nghĩ: Đã đến lúc rồi, ta tới lui ở đây nhiều năm nhưng chưa nói chuyện với thiếu niên Bà-la-môn này, nên dùng cách gì để hóa độ nó đây.

Tôn giả dùng thần lực che mắt không thấy được ghế dài trong nhà, chỉ thấy ghế dài (pallanka) của thiếu niên Bà-la-môn. Thấy tôn giả Hòa-Ca-Bà đến, Bà-la-môn tìm ghế ngồi khắp nơi nhưng không có, chỉ thấy ghế của con mình nên lấy đưa cho tôn giả ngồi.

Trở về nhà, thấy Hòa-Ca-Bà ngồi trên ghế dài của mình đã chọn nên thiếu niên Bà-la-môn rất tức giận. Anh ta hỏi gia nhân: Ai đem ghế dài ta đã chọn cho sa-môn ngồi vậy.

Khi Hòa-Ca-Bà thọ thực xong, thiếu niên Bà-la-môn đã bốt tức giận. Đại đức nói với thiếu niên này: - Này con! Con biết được gì?

Đáp: - Thưa Sa-môn, con chẳng biết được gì?

Hỏi: - Vậy ai biết?

Thiếu niên Bà-la-môn hỏi Hòa-Ca-Bà:

- Sa-môn biết pháp Vi-đà không?

Hỏi như vậy vì cho là Sa-môn này đều biết hết.

Đại đức Hòa-Ca-Bà thông suốt cả ba sách Vi-đà, Càn-thư (Nighandu) (Hán dịch là sách vạn vật), Khai-thư (ketubha), Y-đê-ha-tả (Itihāsa, Akkharappabhedā), phân biệt được tất cả văn tự. Thiếu niên Bà-la-môn này có những pháp còn nghi ngờ chưa thông hiểu được. Vì sao? Do thầy cậu ta không hiểu rõ. Thiếu niên Bà-la-môn này hỏi Hòa-Ca-Bà từng vấn đề nan giải và được giải đáp tận cùng.

Hòa-Ca-Bà nói với thiếu niên Bà-la-môn: - Con đã hỏi nhiều rồi, đến lượt ta hỏi một việc; con hãy trả lời.

Thiếu niên Bà-la-môn nói: - Lành thay! Thưa Sa-môn, con sẽ phân biệt mà trả lời.

Hòa-Ca-Bà đem trong hai tâm (cittayamaka) ra hỏi: - Tâm của người nào đã phát sinh thì không diệt, tâm của người nào bị diệt thì không sinh, tâm của người nào khi diệt thì diệt, tâm người nào khi sinh thì sinh (Yassa cittam uppajjati na nirujjati, tassa cittam nirujjhissatī n'uppajjissatī, yassa và pana cittam nirujjhissati n'uppajjissati, tassa cittam uppajjati na nirujjhati).

Khi ấy, hết ngó lên trời rồi lại cúi nhìn xuống đất, không biết tại sao cả nên thiếu niên Bà-la-môn hỏi lại Sa-môn: - Thưa Sa-môn, đây là nghĩa gì?

Đáp: - Đây là Vi-đà của Phật. (Buddhamanta)

Thiếu niên Bà-la-môn thưa: - Đại đức dạy cho con được không?

Đáp: - Được.

Hỏi: - Làm sao được học?

Đáp: - Nếu con xuất gia thì sau đó được học.

Bấy giờ, rất vui mừng, đến gặp cha, thiếu niên Bà-la-môn ấy thưa rằng: - Sa-môn này biết Vi-đà của Phật, con muốn đến học; nhưng với hình thức áo trắng thế tục thì Sa-môn không dạy, bảo con xuất gia sau đó mới được học.

Sau khi suy nghĩ, cha nói: - Lành thay! Nếu con xuất gia, học Vi-đà xong hãy mau về nhà.

Thanh niên Bà-la-môn suy nghĩ: - Ta đến học Vi-đà với Sa-môn này, sau khi học xong sẽ trở về.

Khi sắp lên đường, cha mẹ răn dạy: - Con phải cố gắng học tập, cho phép con lên đường.

Đáp: - Con không dám phiền cha mẹ răn dạy.

Khi ấy, con người Bà-la-môn đến gặp Hòa-Ca-Bà và được tôn giả độ cho làm sa di, rồi đem 32 pháp thiền định (về thân thể) dạy cho vị này tư duy. Trong thời gian ngắn, vị này đắc Tu-đà-hoàn đạo.

Hòa-Ca-Bà suy nghĩ: Thanh niên này đã đắc đạo tịch, không còn thích về nhà. Như hạt giống đã rang cháy không còn mọc nữa, sa di này cũng như vậy.

Tôn giả lại nói: - Nếu ta cho học pháp thiền định sâu xa thì người này sẽ chứng quả A-la-hán và thích sống an tịnh, không còn chịu học Phật-pháp nữa. Từ nay, ta nên đưa vị này đến gặp Chiên-Đà-Bạt-Xà (Candavajjitthe rassasantika) để học Phật-pháp và thực hiện được ý định của ta.

Hòa-Ca-Bà nói: - Lành thay! Sa di đến đây (ehi tvam sàmanera), con có thể đến gặp đại đức Chiên-Đà-Bạt-Xà để học Phật-pháp không? Đến nơi, con thưa với vị ấy rằng: Đại đức, thầy con sai đến đây để học tập Phật pháp.

Được Sa di này thưa, Chiên-Đà-Bạt-Xà đáp:

- Lành thay sa di, ngày mai sẽ học.

Sau đó, Đê-Tu được học tất cả Phật-pháp chỉ trừ luật tạng. Sau khi học tập, Đê-Tu được thọ giới cụ túc và chưa đầy một năm đã thông suốt Luật tạng. Khi đã hiểu biết hết ba tạng, Đê-Tu được hòa thượng và A-xà-lê (Ācariyupajjhāya) đem hết Phật pháp giao phó cho rồi tùy theo tuổi thọ mà họ vào Niết-bàn.

Khi ấy, Đê-tu chuyên tu thiền định, chứng quả La-hán, đem Phật pháp giáo hóa mọi người.

Bấy giờ, vua Tân-Đầu-Sa-La (Bindusara) có cả trăm (101) người con. Sau khi vua Tân-Đầu-Sa-La qua đời, trong bốn năm vua A-Dục giết hết các anh em khác, chỉ còn để lại một người em cùng mẹ (ekamātikam tissakumaram thapsantika). Qua bốn năm, vua A-Dục mới tự xưng vương. Từ khi Phật vào Niết-bàn đến nay là 218 năm (Tathāgatassa parinibbānato dvinnam vassasātānam upari atthārasame 218 vasse sakala-jambudīpe-ekarajjabhisekam pāpuni). Sau đó, vua A-Dục thống lĩnh hết cả cõi Diêm-phù-ly. Tất cả vua khác đều phục tùng. Uy thần của vua bao trùm cả hư không đến mặt đất trong một do-tuần.

Hằng ngày, các qui thần ở ao A-nậu-đạt (anotattadaha) đem đến tám gánh có 16 chum nước để dâng cho vua. Khi ấy đã tin tưởng Phật pháp nên vua A-Dục đem tám chum nước dâng Tỳ-kheo tăng; hai chum dâng đến vị thông ba tạng; hai chum tặng cho phu nhân của vua, và xử đưng bốn chum. Hằng ngày, qui thần ở núi Tuyết dâng cây đánh răng mềm mại thơm đẹp (dantakattha) tên la-đa (nāgalatā) dâng cho vua. Vua đem cây chà răng này ban phu nhân và thể nữ trong cung một vạn sáu ngàn người, sáu vạn Tỳ-kheo trong chùa, dùng hằng ngày đầy đủ. Lại có quý thần ở núi Tuyết dâng trái thuốc tên A-ma-lặc, Ha-la-lặc (agadāmalaka, agadaharitaka). Loại trái này màu vàng kim, hương vị hiếm có. Lại có quý thần dâng trái Am-la chín (ambapakka). Hằng ngày, lại có quý thần dâng năm loại y phục màu hoàng kim và khăn tay (hatthapunchanapattaka), dâng nước mật hiền thánh, dâng hương thoa, hoa xà-đề. Vua rồng dưới biển dâng thuốc trị mắt danh tiếng (anjana). Tại bờ ao A-nậu-đạt có lúa thơm tự nhiên được chuột bóc sạch vỏ, lấy ra hạt gạo sạch. Hằng ngày, chim anh vũ mang 90 gánh gạo này đến dâng vua. Ong mật làm tổ trong cung của vua, dâng mật cung cấp cho vua. Bay đến chỗ vua ở, chim Ca-lăng-tân-già (karavikasakuna) ca hát những âm thanh hòa nhã làm vui lòng vua. Nhà vua có những uy thần như vậy.

Một hôm, vua làm xích khóa bằng vàng, sai người đưa vua rồng biển về. Vua rồng biển này sống lâu một kiếp nên đã từng thấy bốn đức Phật thời quá khứ. Khi vua rồng đến nơi, vua mời ngồi vào tòa sư tử và che lọng trắng ở trên, đem các loại hương hoa cúng dường. Vua A-Dục cỡi chuỗi ngọc đang mang, đeo cho vua rồng biển, đem một vạn sáu ngàn kỹ nữ vây quanh cúng dường và nói với vua rồng: - Nghe đức Như Lai có tướng tốt đặc biệt, ta muốn nhìn thấy, long vương hãy hiện ra cho.

Nghe lệnh vua, bằng thần lực của mình, vua rồng biển biến thân mình ra hình tướng Như Lai (Sammāsambuddhassa rūpa) trang nghiêm bằng các công đức vi diệu với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp như hoa sen, hoa Uất-ba-la nở xinh đẹp trên mặt nước, trang hoàng với những ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng chiếu xa một tầm như các ngôi sao trên không trung, như cầu vồng, như điện quang xoay tròn tỏa ra, như núi vàng rực rỡ bằng ánh sáng các loại châu báu chung quanh; tất cả mọi người nhìn không chán; các phạm, thiên, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà... chăm chú chiêm ngưỡng trong suốt bảy ngày đêm. Nhìn thấy thân tướng Như Lai, vua A-Dục rất hoan hỷ.

Trong suốt ba năm từ khi lên ngôi, chỉ biết phụng sự ngoại đạo (bahirakapāsanda), đến năm thứ tư nhà vua mới có tín tâm với Phật pháp. Nhà vua phụng sự ngoại đạo vì khi tại vị phụ vương của vua là Tân-Đầu-Sa-La tin tưởng ngoại đạo, cúng dường cho sáu

vạn Bà-la-môn hằng ngày. Vua và phu nhân, trong cung đều phụng thờ ngoại đạo vì thừa hành theo tín ngưỡng của cha. Một hôm, vua A-Dục tổ chức cúng dường các Bà-la-môn. Ngồi trên điện, vua nhìn thấy các Bà-la-môn nhìn ngó hại bên không có phép tắc gì cả. Thấy như vậy, vua suy nghĩ: Ta sẽ tuyển chọn, chắc chắn có những vị đủ phép tắc và sẽ cúng dường các vị ấy.

Sau khi suy nghĩ, vua bảo các đại thần: - Này các khanh, ai có phụng sự các Sa-môn, Bà-la-môn thì mời họ vào cung ta sẽ cúng dường.

Các quan đáp: - Lành thay.

Sau khi trở về, các quan mời những vị Ny-kiền-đà (nighantha), ngoại đạo... mà họ phụng sự vào cung vua. Đến nơi, các quan tâu: - Đây là các vị la-hán của chúng tôi.

Khi ấy, vua A-Dục bố trí những chỗ ngồi cao thấp đẹp xấu không giống nhau và bảo các ngoại đạo tùy theo khả năng của mình mà ngồi vào chỗ. Nghe vua nói như vậy, các ngoại đạo ngồi theo sở thích mình. Có người ngồi trên ghế dài, hoặc ngồi trên tấm ván. Thấy như vậy, vua suy nghĩ: Những ngoại đạo này nhất định không có pháp tắc.

Nghĩ như vậy, vua nói: - Ngoại đạo như vậy thật không đáng cúng dường.

Do đó, sau bữa ăn, vua ra lệnh họ ra về ngay.

Một hôm, ở bên cửa sổ (sihapanjara) trên cung điện, thấy một sa-di tên là Nê-Cù-Đà (Nigrodha) đang đi ngang trước điện với dáng đi uy nghi vững vàng (Iriyāpathāsampanna). Vua hỏi: - Đây là Sa-di nào vậy?

Cận thần đáp: - Sa-di Nê-Cù-Đà, là con của Tu-Ma-Na con trưởng của tiên vương (Bindusāraranno jetthaputtassa Sumanarājakumārassa putto).

Pháp-sư (Buddhaghosa) nói: Sau đây, tuần tự ta sẽ kể lại nhân duyên ấy. Sau khi vua Tần-Đâu-Sa-La bị bệnh qua đời, từ nước Uất-chi (ujjenirajja) là nơi được phong, vua A-Dục trở về nước của cha và giết ngay thái tử Tu-Ma-Na và tự giữ lấy việc nước. Sau khi giết thái tử Tu-Ma-Na, vua A-Dục kiểm soát hết trong cung. Vợ của Tu-Ma-Na đã có thai được mười tháng, thay đổi y phục đi trốn, đến thôn Chiên-đà-la (candālagāma) gần thành. Gần thôn, có cây đại thụ tên Nê-Cù-Đà. Có một vị trời làm thọ thần ở đây. Thấy vợ của Tu-Ma-Na, thọ thần nói: - Hãy đến đây.

Nghe thần cây gọi, bà này liền đến nơi. Dùng thần lực của mình, thọ thần hóa ra một cái nhà và bảo bà ấy:

- Bà hãy ở trong nhà này.

Nghe bảo như vậy, bà ấy vào nhà và ngay đêm ấy sinh được một bé trai nên người mẹ đặt tên là Nê-Cù-Đà. Vì vậy, chủ thôn Chiên-đà-la cung kính cung cấp không khác gì nô tỳ thấy người chủ. Khi ấy, vương phi này đã sống trong ngôi nhà của thọ thần đến bảy năm và Nê-Cù-Đà lên bảy tuổi.

Khi ấy, có vị Tỳ-khưu A-la-hán tên là Bà-Luru-Na (Mahāvaruna) dùng thần thông quán sát Nê-Cù-Đà, thấy có nhân duyên được hóa độ, nên suy nghĩ: Đã đến lúc rồi, sẽ độ cho cậu bé ấy làm sa-di.

Tôn giả đến gặp Vương phi xin độ Nê-Cù-Đà làm sa-di. Sau khi được vương phi chấp nhận, tôn giả thê độ cho Nê-Cù-Đà làm sa-di. Khi tóc chưa rơi hết xuống đất, sa-di này đã chứng A-la-hán (khuragge yeva arahattam pāpuni). Một hôm, sau khi dọn dẹp, sa-di này mặc y phục đàng hoàng đến gặp thầy mình để cúng dường rồi cầm y bát

(Pattacivaram àdaya) đi đến chỗ người mẹ, vào thành bằng cửa Nam, đi ngang trước cung điện và định ra cửa phía Đông. Khi ấy, đang kinh hành qua lại về hướng Đông trên điện, thấy sa-di Nê-Cù-Đà với uy nghi đỉnh đạc đang đi nhìn dưới đất cách bảy tấc nên tâm nhà vua trở nên thanh tịnh...sự việc này như nói ở trước; sẽ nói tiếp theo.

Bấy giờ, vua A-Dục suy nghĩ: Vị sa-di này uy nghi cử chỉ đàng hoàng từ tốn, tất có pháp lợi của bậc thánh (lokuttaradhamma).

Sau khi gặp sa-di này, nhà vua rất hoan hỷ tin tưởng, phát sinh tâm từ bi. Vì sao? Trong đời quá khứ, sa-di này là anh vua A-Dục, đã cùng nhau làm các công đức. Có bài kệ:

Do nhân duyên đời trước, Nên đời này hoan hỷ,

Như hoa Uất-la-bát (uppala) Nở tươi tốt trong nước.

Khi tâm từ bi đã phát sinh, vua A-Dục không kềm lòng được, vội vàng sai ba đại thần đi gọi sa-di ấy. Các đại thần đi đã lâu nhưng không thấy trở về. Vua lại sai ba đại thần khác đến báo sa-di: - Sa-di ơi! Hãy đến mau.

Khi ấy, với uy nghi nghiêm trang, sa-di này từ tốn đi đến. Thấy sa di đến, vua bảo hãy tự xem xét mà chọn chỗ ngồi tùy ý. Quan sát khắp mọi người, biết rõ không có Tỳ-kheo, sa di định ngồi vào tòa cao có che lọng trắng nên ra đầu để vua nhận bát. Thấy sa di ra dấu, vua thầm nghĩ: sa di này chắc là gia chủ.

Sau khi đưa bát cho vua, sa di ngồi vào tòa của vua. Nhà vua lấy thức ăn của mình dâng cho sa di. Sa di chỉ nhận thức ăn vừa đủ no. Sau khi sa di thọ trai xong, vua hỏi: - Nay sa di! Thầy có biết hết lời dạy của thầy không?

Đáp: - Tôi biết một phần nhỏ.

Vua nói: - Lành thay, xin nói cho tôi nghe.

Đáp: - Lành thay, đại vương, tôi sẽ nói.

Sau khi suy nghĩ: theo khả năng tiếp thu của vua mà ta nói pháp cú để chú nguyện (Dhammapada); sa di nói nửa bài kệ:

*Sống không biếng nhác là Niết-bàn
Ai sống biếng nhác là sinh tử.
(Appamàdo amatapadam, pamàdo maccuno padam - Dh.21 -
Giới vi cam lộ đạo,
phóng dật vi từ kính - Pháp cú kinh, Phóng dật phẩm).*

Nghe xong, vua nói với sa di: - Tôi đã nghe rồi, xin nói tiếp cho hết.

Sau khi sa di chú nguyện, vua thưa: - Hằng ngày xin cúng dường tám phần ăn.

Sa di đáp: - Lành thay, tôi xin dâng lại cho thầy (upajjaya)

Vua hỏi: - Thầy của sa di là ai?

Đáp: - Vị không gây tội, thấy tội thì quở trách đó là thầy tôi.

Vua nói: - Xin dâng thêm tám phần nữa.

Sa di đáp: - Lành thay! Xin dâng lại cho A-xà-lê (Acariya).

Vua hỏi: - A-xà-lê là ai?

Đáp: - Vị giáo dục cho biết chánh pháp là A-xà-lê của tôi.

Vua nói: - Lành thay! Tôi dâng thêm tám phần nữa.

Sa di nói: - Tám phần này xin dâng đến Tỳ-kheo tăng.

Vua hỏi: - Tỳ-kheo tăng là ai?

Sa di đáp: - Là nơi mà thầy tôi, A-xà-lê của tôi, và tôi y chỉ vào đó để đắc giới cụ túc.

Nghe nói, vua càng hoan hỷ, nói với sa di: - Nếu như vậy, tôi xin dâng thêm tám phần nữa.

Sa di đáp: - Lành thay! Xin nhận.

Sau khi nhận lời, hôm sau sa di đưa 32 vị đến cung vua. Thọ thực xong, vua hỏi sa di: Còn có Tỳ-kheo khác không?

Đáp: - Còn có.

Vua nói: - Nếu có, xin đưa thêm 32 vị đến nữa.

Cứ như vậy, lần tuần tự tăng dần đến sáu vạn vị. Bấy giờ, sáu vạn đồ chúng ngoại đạo bị mất phần cúng dường. Đại đức Nê-Hòa-Đà dạy bảo vua và phu nhân trong cung cùng các quan đều thọ ba qui y và năm giới cấm. Tín tâm của vua và mọi người tăng gấp bội không có thối lui. Vì chúng tăng, vua xây dựng chùa lớn để làm trú xứ cho tăng, hằng ngày cúng dường sáu vạn vị. Vua ra lệnh tám vạn bốn ngàn quốc vương do vua thống lĩnh xây dựng tám vạn bốn ngàn chùa lớn, tám vạn bốn ngàn tháp tại các nước. Được vua ra lệnh như vậy, các nước đều hoan hỷ thực hiện.

Một hôm, vua tổ chức hội đại bố thí (mahādāna) ở Tăng-già-lam A-Dục (Asokārāma). Sau khi bố thí, ngồi giữa sáu vạn Tỳ-kheo tăng, vua thưa: Bốn vật cúng dường (catūhi paccayehi pavāretvā) là thuốc men, thức ăn, y phục, ngọc cụ, trăm xin dâng cho tăng theo yêu cầu.

Sau khi thưa như vậy, vua hỏi:

- Các đại đức! Pháp của Phật gồm bao nhiêu loại?

Tỳ-kheo đáp: - Có chín phần pháp, chia thành tám vạn bốn ngàn pháp-tụ.

Nghe như vậy, với tâm chí thành về pháp, vua thâm nghĩ: Ta nên xây tám vạn bốn ngàn ngôi chùa để cúng dường tám vạn bốn ngàn pháp-tụ.

Ngay hôm ấy, vua bỏ ra chín mươi sáu ức ngàn tiền, và gọi đại thần đến, bảo rằng:

- Hãy sai sứ giả đến bảo tám vạn bốn ngàn nước của ta thống lĩnh, cứ một nước xây dựng một ngôi chùa.

Chính nhà vua tự xây dựng chùa A-Dục. Biết vua muốn xây dựng thành chùa lớn, chúng tăng liền sai một Tỳ-kheo tên Nhân-Đà-Quật-Đa (Indagutta) là bậc lậu tận A-la-hán có đại thần lực làm tổng tri sự việc trong chùa. Thấy trong chùa có chỗ nào khiếm khuyết, Nhân-Đà-Quật-Đa dùng thần lực của mình để sửa chữa cho hoàn hảo. Bổng tiền của vua dâng và thần lực của La-hán, sau ba năm ngôi chùa hoàn thành. Sau khi

chùa ở các nước hoàn thành, họ đến tâu vua. Cùng đến trong một ngày, họ gặp tể tướng, thưa:

- Chùa đã xây xong.

Tể tướng vào tâu vua:

- Tám vạn bốn ngàn ngôi chùa của tám vạn bốn ngàn nước đã xây xong.

Sau khi khen ngợi lành thay, vua sai một đại thần đánh trống tuyên bố chùa tháp đã hoàn tất, bảy ngày sau sẽ có hội bố thí cúng dường to lớn, tất cả nhân dân trong ngoài trong nước đều thọ tám giới (attha silangani) để thân tâm thanh tịnh, sau bảy ngày mọi người trang sức đàng hoàng đến nhận lệnh vua. Như chư thiên vây quanh Thiên-đế-thích, quốc độ của vua A-Dục cũng được trang nghiêm như vậy. Nhân dân đi dự hội không chán, cùng nhau vào chùa chiêm ngưỡng.

Khi ấy, chúng tăng tậi họp có tám ức Tỳ-kheo tăng, chín mươi sáu vạn Tỳ-kheo nỳ. Trong chúng này, có một vạn La-hán. Các vị Tỳ-kheo tăng suy nghĩ: Ta nên dùng thân lực làm cho vua thấy được công đức mà mình đã tạo, được thấy như vậy rồi thì sau đó làm cho Phật pháp cực kỳ thịnh hành. Dùng năng lực thân thông, các Tỳ-kheo làm cho trong một lúc vua thấy được tất cả các chùa tháp, tất cả những công đức do sự bố thí sự cúng dường của vua trong tất cả vùng đất ngang dọc bốn phương đến tận bờ biển của vua thống lĩnh ở cõi Diêm-phù-ly. Được thấy như vậy rồi, vua rất hoan hỷ, bạch với chúng tăng:

- Hiện nay, con làm việc đại bố thí cúng dường Như Lai, trong lòng hoan hỷ như vậy, có ai làm bằng con không?

Khi ấy, trong tăng cử Mục-Kiên-Liên-Tử Đê-Tu đáp lời cho vua. Đê-Tu trả lời:

- Khi Phật còn tại thế, mọi người cúng dường không bằng vua, không ai có thể hơn vua được.

Nghe Đê-Tu nói, vua hoan hỷ vô cùng, suy nghĩ: Làm việc bố thí lớn trong Phật pháp không ai bằng ta, ta nên thọ trì Phật pháp như con yêu mến cha, thì không còn gì nghĩ ngợi nữa.

Khi ấy, vua hỏi Tỳ-kheo tăng:

- Đối với Phật pháp, trăm đã vào được chưa?

Nghe vua hỏi, thấy bên cạnh vua có vương tử tên Ma-Hê-Đà (Mahinda) đã đầy đủ nhân duyên, nên Đê-Tu suy nghĩ: Nếu vương tử này được xuất gia thì Phật pháp hưng thịnh vô cùng.

Sau khi suy nghĩ, Đê-Tu thưa với vua: - Đại vương, công đức như thế này vẫn chưa vào Phật pháp được. Như có người đem bảy loại quý báu chôn cất từ mặt đất lên tận cõi Phạm-thiên ra bố thí, nhưng vẫn chưa được vào trong Phật pháp, huống chi sự bố thí như vua mà mong được vào.

Vua hỏi: - Làm sao được vào pháp phần?

Đáp: - Người nghèo hay giàu cho con ruột của mình xuất gia thì được vào Phật pháp.

Nghe nói như vậy, vua suy nghĩ: Ta bố thí như vậy mà cũng chưa được vào Phật pháp vậy ta nên tìm cách để được vào.

Nhìn sang hai bên, thấy Ma-Hê-Đà, vua suy nghĩ: Em ta là Đê-Tu đã tự xuất gia nên phải lập Ma-Hê-Đà làm thái tử, nhưng đưa lên làm thái tử là tốt hay cho xuất gia là tốt.

Vua bảo Ma-Hê-Đà: - Con có thích xuất gia không?

Thấy chú mình là Đê-Tu đã xuất gia, Ma-Hê-Đà đã có ý muốn xuất gia, nghe vua hỏi như vậy, rất vui mừng thưa:

- Thật con muốn xuất gia. Nếu con xuất gia, đại vương được pháp phần trong Phật pháp.

Khi ấy, có vương nữ tên Tăng-Già-Mật-Đa (Sanghamittà) mà trước đây chồng đã xuất gia theo Đê-Tu, đang đứng cạnh anh mình. Vua hỏi Tăng-Già-Mật-Đa: - Con thích xuất gia không?

Đáp: - Thật muốn.

Vua nói: - Nếu con xuất gia thì tốt lắm.

Biết tâm ý của họ, vua rất hoan hỷ hưởng về Tỳ-kheo thưa:

- Đại đức, xin chúng tăng độ hai con của tôi để tôi được vào Phật pháp.

Luật Thiện kiến Tỳ-bà-sa

- Quyển thứ nhất -

-ooOoo-

[Chương trước](#) | [Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Chương kế](#)

Chân thành cảm ơn Tỳ kheo Thiện Minh đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 01-2001)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 10-02-2001